

## BÁO CÁO

### **Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm năm 2020**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 19/12/2019 Về Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Trên cơ sở kết quả thực hiện thu, chi NSDP 6 tháng đầu năm năm 2020. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm năm 2020 như sau:

#### **I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU.**

Tổng thu ngân sách ước thực hiện 720.992 triệu đồng, đạt 83,01 % so với dự toán tinh giao, đạt 74,85 % so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 40,48% so với cùng kỳ năm 2019. (Trong đó: ngân sách huyện hưởng là 719.969 triệu đồng).

#### **1. Thu trên địa bàn**

Ước thực hiện hiện 18.245 triệu đồng, đạt 50,54% so với dự toán tinh giao, đạt 50,01% so với dự toán HĐND huyện giao, giảm 21,42% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó:

Thu ngân sách huyện hưởng: 17.222 triệu đồng, đạt 52,51% so với dự toán tinh giao, đạt 51,9% so với dự toán HĐND huyện giao, giảm 14,35% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân giảm 14,35% so với cùng kỳ năm 2019 là do năm

2019 khoản thu tiền chuyển nhượng, chuyển đổi, đầu giá quyền tiền sử dụng đất đạt cao.

*Bao gồm các sắc thuế sau:*

- Thuế ngoài quốc doanh: 8.937 triệu đồng, đạt 50,95% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 17,18% so với cùng kỳ năm 2019.
- Lệ phí trước bạ: 4.200 triệu đồng, đạt 84% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 31,25% so với cùng kỳ năm 2019.
- Thuế thu nhập cá nhân: 980 triệu đồng, đạt 70% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 84,91% so với cùng kỳ năm 2019.
- Phí, lệ phí: 758 triệu đồng, đạt 53,68% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 18,81% so với cùng kỳ năm 2019.
- Thu tiền sử dụng đất: 860 triệu đồng, đạt 12,29% so với dự toán HĐND huyện giao, giảm 89,96% so với cùng kỳ năm 2019. (*Trong đó: Ngân sách tỉnh hưởng 265 triệu đồng, ngân sách huyện hưởng 595 triệu đồng*).
- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 560 triệu đồng, đạt 56% so với dự toán HĐND huyện giao, giảm 0,18% so với cùng kỳ năm 2019.
- Thu khác ngân sách: 1.950 triệu đồng, đạt 62,22% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 22,64% so với cùng kỳ năm 2019.

**2. Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên 608.500 triệu đồng, đạt 73,09% so với dự toán tỉnh và HĐND huyện giao.**

- + Rút nguồn bổ sung cân đối ngân sách: 373.089 triệu đồng.
- + Rút nguồn bổ sung có mục tiêu, MTQG: 235.411 triệu đồng.

**3. Thu chuyển nguồn từ năm 2019 chuyển sang là: 50.071 triệu đồng.**

**4. Thu từ nguồn kết dư 44.176 triệu đồng.**

**II. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI.**

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 458.138 triệu đồng, đạt 47,73% so với dự toán HĐND huyện giao.

*Cụ thể như sau:*

**1. Chi trong cân đối ngân sách ước thực hiện 319.292 triệu đồng, đạt 53,74% so với dự toán HĐND huyện giao. Trong đó:**

**1.1. Chi đầu tư phát triển: 7.581 triệu đồng đạt 30,33% so với dự toán HĐND huyện giao. Trong đó:**

**1.2. Chi thường xuyên: 245.542 triệu đồng đạt 53,04% so với dự toán HĐND huyện giao. Trong đó:**

- Chi sự nghiệp kinh tế: 14.172 triệu đồng, đạt 60,36% so với dự toán HĐND huyện giao.
- Chi sự nghiệp giáo dục & đào tạo: 190.739 triệu đồng, đạt 51,3% so với dự toán HĐND huyện giao.

**1.3. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách huyện: 4.629 triệu đồng, đạt 80,1% so với dự toán HĐND huyện giao.**

- Thực hiện chi các nhiệm vụ phát sinh: Chi thực hiện chính sách hỗ trợ do đại dịch Covid-19 gây ra với số tiền là 3.523 triệu đồng; thực hiện hỗ trợ di dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn xã Bản Lang với số tiền là 100 triệu đồng; Mua vắc xin, vật tư trang thiết bị tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm năm 2020: 129 triệu đồng; Thực hiện mua hóa chất tiêu độc, khử trùng năm 2020: 483 triệu đồng; Kinh phí thực hiện Chính sách hỗ trợ do dịch tả lợn châu Phi gây ra: 394 triệu đồng.

**1.4. Chi ngân sách xã: 61.540 triệu đồng, đạt 61,3% so với dự toán HĐND huyện giao.**

**2. Chi các chương trình có mục tiêu ước thực hiện: 30.901 triệu đồng, đạt 81,9% so với dự toán HĐND huyện giao.**

**3. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia ước thực hiện: 76.401 triệu đồng, đạt 38,27% so với dự toán HĐND huyện giao.**

**4. Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang: 31.544 triệu đồng, đạt 63% so với dự toán HĐND huyện giao.**

(Chi tiết thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm theo phụ biểu số 01 và 02 kèm theo)

### **III. TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG THUẾ.**

1. Tổng số thuế nợ đọng: 11.189 triệu đồng, bao gồm:

- Số nợ chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang: 8.849 triệu đồng
- Số nợ phát sinh năm 2020: 2.340 triệu đồng.

2. Số thực hiện thu nợ từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm báo cáo (ngày 15/06/2020): 1.738 triệu đồng.

3. Tổng số thuế còn nợ đến thời điểm báo cáo (1-2): 9.451 triệu đồng (Trong đó: Nợ có khả năng thu là: 6.026 triệu đồng của 30 công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã; Nợ khó thu là: 3.424 triệu đồng, của 13 công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã), chủ yếu nợ đọng thuế là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực: Khai thác khoáng sản phi kim loại, xây dựng công trình.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG.**

#### **1. Kết quả đạt được.**

##### **1.1. Về thu ngân sách:**

Để phần đầu thu đúng, thu đủ ngân sách trên địa bàn năm 2020 so với dự toán tỉnh giao, ngay từ đầu năm, UBND huyện đã tăng cường chỉ đạo giao cho các cơ quan thực hiện thu ngân sách cam kết hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách cấp trên giao, trong đó tập trung vào triển khai một số nhiệm vụ chủ yếu như triển khai quyết liệt nhiệm vụ thu ngân sách, các sắc thuế cơ bản đạt cao so với cùng kỳ năm trước trong đó thuế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19

nên một số sắc thuế thu đạt tỷ lệ chưa cao, công tác thu nợ đọng thuế còn gặp khó khăn.

- UBND huyện đã chủ động triển khai quyết liệt nhiều biện pháp quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu, đẩy mạnh thanh kiểm tra, các hoạt động giám sát tích cực hơn của các cấp, các ngành cùng với việc cải cách thủ tục hành chính thuế đã tạo điều kiện khai thác tập trung các nguồn thu trên địa bàn đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời.

- Sự phối hợp giữa các ban ngành với Chi Cục thuế và Kho bạc nhà nước huyện trong công tác đôn đốc thu ngân sách chặt chẽ và hiệu quả, công tác kiểm tra, thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước chặt chẽ đúng quy định.

### **1.2. Về chi ngân sách:**

- Cơ bản đã đảm bảo đủ nguồn cân đối chi theo dự toán đã được HĐND huyện giao, đáp ứng cơ bản yêu cầu sự nghiệp kinh tế các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hoạt động kiến thiết thị chính; đảm bảo chi cho sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo bao gồm đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện đầy đủ các chính sách mới, chế độ cho cán bộ, giáo viên và học sinh; Đảm bảo kinh phí thực hiện các đề án, nghị quyết và chính sách an sinh xã hội của cấp có thẩm quyền phê duyệt và kinh phí cho hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Đoàn thể, góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Trong quản lý điều hành ngân sách, hầu hết các cơ quan, đơn vị xã thị trấn đã nhận thức rõ về chính sách tài khoán chặt chẽ, triệt để tiết kiệm; ở từng cơ quan, đơn vị xã thị trấn đã làm tốt công tác rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách, đúng dự toán được duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công, nhất là các khoản chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, chi phí khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, lễ kỉ niệm.

### **2. Một số khó khăn, hạn chế về thu chi ngân sách.**

Bên cạnh những kết quả đạt được về thu, chi ngân sách huyện 6 tháng đầu năm còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế như:

- Thu tiền sử dụng đất đến thời điểm báo cáo còn đạt tỷ lệ chưa cao.

- Tình hình nợ đọng thuế vẫn còn cao, kéo dài qua các năm.

- Một số nội dung nhiệm vụ chi còn đạt thấp so với dự toán HĐND giao như: Chi thực hiện các đề án, nghị quyết, chi có mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia một số chủ đầu tư còn giải ngân thấp.

### **3. Một số nguyên nhân hạn chế.**

- Công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn chưa thực hiện.
- Một số hợp tác xã đã ngừng hoạt động nhưng số nợ thuế vẫn còn gây khó khăn trong công tác thu nợ đọng thuế.
- Tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn gặp khó khăn do ảnh hưởng đại dịch Covid-19.
- Các khoản chi thường xuyên, chi chương trình có mục tiêu do một số đơn vị và UBND các xã chưa chủ động trong triển khai ngay từ đầu năm.
- Một số công chức kế toán ở các xã còn thiếu tập trung trong công tác tham mưu, triển khai một số nhiệm vụ chi ngân sách.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSDP 6 tháng đầu năm năm 2020./.

*Nơi nhận:*

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND - UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



K/T CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

*Truong The Man*

**BIỂU THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số: 1191 /BC-UBND ngày 08/7/2020 của UBND huyện Phong Thô)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu tỉnh giao	Dự toán thu huyện giao	Ước thu 6 tháng đầu năm	So sánh (%)			Ghi chú
					Ước TH 6 tháng/tỉnh giao	Ước TH 6 tháng /HĐND giao	Ước TH 6 tháng 2020/cùng kỳ năm 2019	
A	B	2	3	5	8	9	10	
	<b>CỘNG</b>	<b>868.584</b>	<b>963.217</b>	<b>720.992</b>	<b>83,01</b>	<b>74,85</b>	<b>140,48</b>	
	Trong đó: Ngân sách huyện hưởng (I.I+II+III+IV)	865.284	959.917	719.969	83,21	75,00	141,14	
I	<b>THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>36.100</b>	<b>36.486</b>	<b>18.245</b>	<b>50,54</b>	<b>50,01</b>	<b>78,58</b>	
I.I	<i>Trong đó: Ngân sách huyện hưởng</i>	<i>32.800</i>	<i>33.186</i>	<i>17.222</i>	<i>52,51</i>	<i>51,90</i>	<i>85,65</i>	
*	* Ngân sách huyện hưởng khi loại trừ thu tiền sử dụng đất	27.900	28.286	16.627	59,59	58,78	117,83	
1	Thuế ngoài quốc doanh	17.500	17.540	8.937	51,07	50,95	117,18	
2	Lệ phí trước bạ	5.000	5.000	4.200	84,00	84,00	131,25	
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.400	1.400	980	70,00	70,00	184,91	
4	Phí, lệ phí	1.200	1.412	758	63,17	53,68	118,81	
	- Phí, lệ phí trung ương hưởng	200	200	8	4,00	4,00	53,33	
	- Phí, lệ phí địa phương	1.000	1.212	750	75,00	61,88	120,39	
5	Thu tiền sử dụng đất	7.000	7.000	860	12,29	12,29	10,04	
	- Ngân sách tinh hưởng	2.100	2.100	265	12,62	12,62	10,31	
	- Ngân sách huyện hưởng	4.900	4.900	595	12,14	12,14	9,92	
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.000	1.000	560	56,00	56,00	99,82	
7	Thu khác ngân sách	3.000	3.134	1.950	65,00	62,22	122,64	
	- Ngân sách TW hưởng			220				
	- Ngân sách tinh hưởng	1.000	1.000	530	53,00	53,00	100,57	
	- Ngân sách địa phương hưởng	2.000	2.134	1.200	60,00	56,23	112,89	
II	<b>THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN</b>	<b>832.484</b>	<b>832.484</b>	<b>608.500</b>	<b>73,09</b>	<b>73,09</b>		
1	Thu bổ sung cân đối	560.911	560.911	373.089	66,51	66,51		
2	Thu bổ sung có mục tiêu, MTQG	271.573	271.573	235.411	86,68	86,68		
III	<b>THU CHUYỀN NGUỒN</b>			<b>50.071</b>	<b>50.071</b>			
IV	<b>KẾT DỰ NGÂN SÁCH</b>			<b>44.176</b>	<b>44.176</b>			



## BIỂU THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 1191/BC-UBND ngày 03/7/2020 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	So Sánh (%)
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>	<b>959.917</b>	<b>458.138</b>	<b>47,73</b>
A	<b>CHI CÂN ĐÓI NSDP</b>	<b>594.097</b>	<b>319.292</b>	<b>53,74</b>
I	<b>Chi Đầu tư phát triển</b>	<b>24.993</b>	<b>7.581</b>	<b>30,33</b>
1	<b>Chi XDCB tập trung</b>	<b>20.093</b>	<b>7.041</b>	<b>35,04</b>
-	Chi xây dựng cơ bản tập trung	20.093	7.041	35,04
2	<b>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</b>	<b>4.900</b>	<b>540,0</b>	<b>11,02</b>
2.1	<i>Chi đầu tư</i>	2.020	490,0	24,26
2.2	Chi thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai; lập quy hoạch sử dụng đất; Cắm mốc phạm vi thu hồi đất khu trung tâm thị trấn huyện Phong Thổ	2.880	50,0	1,74
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>462.951</b>	<b>245.542</b>	<b>53,04</b>
1	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>23.479</b>	<b>14.172</b>	<b>60,36</b>
2	<b>Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề</b>	<b>357.978</b>	<b>190.739</b>	<b>53,28</b>
3	<b>Sự nghiệp Văn hóa</b>	<b>1.708</b>	<b>642</b>	<b>37,59</b>
4	<b>Sự nghiệp Thể thao</b>	<b>688</b>	<b>281</b>	<b>40,84</b>
5	<b>Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình</b>	<b>4.516</b>	<b>1.881</b>	<b>41,65</b>
6	<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>8.863</b>	<b>5.820</b>	<b>65,67</b>
7	<b>Quản lý hành chính</b>	<b>39.794</b>	<b>22.637</b>	<b>56,89</b>
8	<b>Chi an ninh - Quốc phòng</b>	<b>8.844</b>	<b>5.700</b>	<b>64,45</b>
9	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>3.405</b>	<b>1.930</b>	<b>56,68</b>
10	Chênh lệch dự kiến tăng thu giữa dự toán tinh giao với dự toán Địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi ( <i>Huyện giao thu cao hơn ngân sách huyện hướng so với dự toán tinh giao</i> )	386		-
11	Kinh phí sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và công trình dân dụng khác, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở cơ quan nhà nước, mua sắm trang thiết bị để tổ chức Đại hội Đảng các cấp	13.290	1.740	13,09
III	<b>Dự phòng ngân sách huyện</b>	<b>5.780</b>	<b>4.629</b>	<b>80,09</b>
IV	<b>Chi ngân sách xã, trong đó:</b>	<b>100.373</b>	<b>61.540</b>	<b>61,31</b>
-	<i>Trong đó: Dự phòng ngân sách xã</i>	1.565	1.260	80,51
B	<b>CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU</b>	<b>71.912</b>	<b>30.901</b>	<b>42,97</b>
1	Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	3.216	1.608	50,00
2	Kinh phí đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	30	30	100,00

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	So Sánh %)
3	Kinh phí thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu (Vốn đầu tư: Thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt)	1.728	864	50,00
4	Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND	7.000	-	-
5	Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng, phát quang thông tầm nhìn đường tuần tra biên giới	932	-	-
6	Hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo trì các tuyến đường tuần tra biên giới	264	-	-
7	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đât trồng lúa	3.100	-	-
8	Kinh phí thực hiện Chính sách miễn thuỷ lợi phí	2.062	-	-
9	Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao giai đoạn 2015-2020	5.219	-	-
10	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND	1.594	-	-
11	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục vùng Đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND; nâng cấp sửa chữa trường bán trú, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và khắc phục phòng học tạm; kinh phí lắp đặt mua sắm phòng rèm, mua sắm trang thiết bị trường học theo đề án đổi mới căn bản giáo dục.	14.000,0	-	-
12	Kinh phí thực hiện Đề án, nghị quyết của HDND tỉnh	4.363	-	-
-	Sửa chữa nhà vệ sinh công cộng xã Mường So	30	-	-
-	Xây dựng các điểm rường chân tại chân thác Tình yêu và thác Trái tim xã Sin Suối Hồ	200	-	-
-	Kinh phí thực hiện Nghị Quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh	4.133	-	-
+	Hỗ trợ giống lúa thuần	63	-	-
+	Hỗ trợ giống ngô lai	1.223	-	-
+	Hỗ trợ vôi cài tạo đất ruộng	41	-	-
+	Hỗ trợ máy làm đất	1.000	-	-
+	Hỗ trợ phát triển cây ăn quả tập trung và cài tạo vườn tạp	502	-	-
+	Hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi	1.304	-	-
13	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ dịch Covid-19	24.873	24.873	100,00
14	Kinh phí phòng chống dịch tả lợn Phi	2.623	2.623	100,00
15	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo ND 108	908	903	99,45
C	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>	<b>199.661</b>	<b>76.401</b>	<b>38,27</b>
I	<b>Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững</b>	<b>84.363</b>	<b>22.416</b>	<b>26,57</b>
1	Vốn đầu tư	71.573	22.056	30,82
-	Dự án 1 (Chương trình 30a)	54.566	21.722	39,81
-	Dự án 2 (Chương trình 135)	17.007	334	1,96

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Số Sách (%)
2	Vốn sự nghiệp chương trình 30a	12.790	360	2,81
2.1	Dự án 1	12.790	360	2,81
-	Tiêu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng	2.541	98	3,86
-	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình trên địa bàn huyện nghèo	10.165	262	2,58
+	Phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế	9.165	262	2,86
+	Nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo	1.000	-	-
-	Kinh phí quản lý giảm nghèo ở cấp xã	84	-	-
<b>II</b>	<b>Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới</b>	<b>115.298</b>	<b>53.985</b>	<b>46,82</b>
1	Vốn đầu tư	92.860	43.705	47,07
-	Vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	67.390	34.307	50,91
-	Thực hiện các Đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018	24.570	9.398	38,25
-	Thực hiện các Đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 24/7/2018 và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014	900	-	-
2	Vốn sự nghiệp	22.438	10.280	45,82
-	Kinh phí hoạt động quản lý chương trình	400	-	-
+	Cấp huyện	220	-	-
+	Cấp xã	180	-	-
-	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn	619	-	-
	Các nội dung còn lại thực hiện Chương trình: (Thực hiện các nội dung chương trình trên địa bàn, bao gồm cả chương trình OCOP, Quyết định 643/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh (triển khai Quyết định số 1385/QĐ-TTg) và xây dựng bản NTM gắn với du lịch nông thôn và các nội dung khác theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC và Thông tư số 08/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.)	21.419	10.280	47,99
<b>D</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2019 CHUYỂN SANG</b>	<b>50.071</b>	<b>31.544</b>	<b>63,00</b>
<b>E</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN THU KẾT DU NGÂN SÁCH NĂM 2019</b>	<b>44.176</b>		-